

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22-01-2021

V/v Tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Kim Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Trường Tam

2. Ông Đỗ Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Ngô Anh Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 680/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị P, sinh năm 1973

2. *Bị đơn:* Anh Trần Quang Tr, sinh năm 1971

Cùng địa chỉ: Ô1/47, khu phố TB C, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh TN.

Chị P và anh Tr vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Phạm Thị P trình bày:

Chị và anh Trần Thanh Tr chung sống như vợ chồng từ năm 1991, hôn nhân tự nguyện không bị ai ép buộc, không có tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn. Chị và anh Tr chung sống không được hạnh phúc do không hợp nhau về tính tình nên thường xuyên mâu thuẫn trong gia đình. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Tr.

Về con chung: Anh chị có 01 người con tên Trần Thị Phi Đ, sinh ngày 03-12-1992 hiện đã thành niên nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Trần Quang Tr trình bày:

Anh thống nhất như lời trình bày của chị P về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Nay anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị P, con chung đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết, tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vào nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị: Về hôn nhân: Không công nhận chị Phạm Thị P và anh Trần Quang Tr là vợ chồng; về con chung: Hiện cháu Trần Thị Phi Đ, sinh ngày 03-12-1992 đã thành niên, có khả năng lao động nên không giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Chị P và anh Tr vắng mặt tại phiên tòa nhưng anh chị có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] Về hôn nhân: Chị P và anh Tr chung sống với nhau vào năm 1991, hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn. Khi chung sống anh chị đã đủ điều kiện kết hôn, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của anh chị không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vì vậy, căn cứ vào các điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh chị là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 01 người con chung tên Trần Thị Phi Đ, sinh ngày 03-12-1992 hiện đã thành niên, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Không có nên anh chị không yêu cầu giải quyết.

[3] *Về án phí:* Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. *Tuyên bố*: Không công nhận chị Phạm Thị P và anh Trần Quang Tr là vợ chồng.

2. *Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau*:

- Về con chung: Hiện cháu Trần Thị Phi Đ, sinh ngày 03-12-1992 đã thành niên, có khả năng lao động nên không giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

3. *Án phí*: Chị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị P đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012610 ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GD. Ghi nhận chị P đã nộp xong tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- UBND thị trấn Gò Dầu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kim Quyên